

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-04-2025
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Chiến;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2025 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 751/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Trung T, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 62 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh T1, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số 62 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hồ Trung T trình bày:

Trước khi kết hôn, anh và chị Phan Thị Thanh T1 có tìm hiểu nhau. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B,

thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Q, sau đó về ở tại nhà cha mẹ vợ tại số 62 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu bình thường nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau. Trước đây vợ chồng cũng đã ly hôn, sau đó quay lại sống chung nhưng vẫn không hợp nhau nên vợ chồng hiện tại không còn sống chung với nhau. Anh xác định không còn tình cảm với chị T1 nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Hồ Phan Thành N1, sinh ngày 18/02/2008; Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017. Hiện nay hai người con chung đang ở với anh và chị T1. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn chị Phan Thị Thanh T1 trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Hồ Trung T có tìm hiểu nhau. Cả hai đã từng là vợ chồng, sau đó khoảng năm 2012 thì vợ chồng ly hôn. Ngày 10/8/2016 chị và anh T kết hôn lại, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B.

Sau khi kết hôn lại, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Khoảng năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc chăm sóc con cái. Hơn nữa anh T không tin tưởng và giao tiền cho chị quản lý. Mặt khác, do điều kiện anh T công tác ở Quảng Ngãi còn chị thì làm việc ở Bình Định nên chị nghi ngờ anh T không chung thủy, ngược lại anh T cũng nghi ngờ chị không chung thủy. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung gồm: Hồ Phan Thành N1, sinh ngày 18/02/2008 và Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017. Hiện nay các con chung đang ở số 62 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Chị yêu cầu anh Hồ Trung T trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Trung T và anh Phan Thị Thanh T1.
2. Về con chung: Giao cháu Hồ Phan Thành N1, sinh ngày 18/02/2008 cho anh Hồ Trung T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017 cho chị Phan Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.
4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hồ Trung T về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Hồ Trung T yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với chị Phan Thị Thanh T1 có địa chỉ cư trú tại số 62 N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên hòa giải, anh T và chị T1 thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành theo quy định tại khoản 5 Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện nhưng không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Mặt khác, điểm b khoản 2 Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự cũng quy định về nguyên tắc hòa giải, theo đó nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Hơn nữa, khoản 1 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự cũng quy định Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Như vậy, không phải mọi thỏa thuận của đương sự đều được công nhận mà chỉ những thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội mới được công nhận.

[3] Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy anh T và chị T1 thỏa thuận giao người con chung Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là trái đạo đức xã hội (trái với nguyện vọng của cháu U) nên Tòa án không công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T1 theo quy định tại Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà đưa vụ án ra xét xử.

[4] Anh T và chị T1 đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường B. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị T1 thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh T yêu cầu ly hôn và chị T1 đồng ý. Do đó, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T1.

[5] Anh T và chị T1 có 02 người con chung gồm: Hồ Phan Thành N1, sinh ngày 18/02/2008 và Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017. Cả hai thống nhất giao các con chung cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi xem xét nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu N1 có nguyện vọng ở với anh T trong khi đó cháu U có nguyện vọng ở với chị T1. Xét thấy anh T và chị T1 thỏa thuận giao cháu N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu N1, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu N1 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[6] Sau khi xem xét thỏa thuận người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu U, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu U cương quyết không muốn ở với anh T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khi giải quyết ly hôn Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Điều này thể hiện nguyên tắc tôn trọng ý chí và quyền tự quyết của trẻ em khi đã đạt đến độ tuổi có thể nhận thức và bày tỏ mong muốn của mình. Việc cháu U thể hiện mong muốn ở với mẹ phản ánh sự gắn bó tình cảm sâu sắc cũng như cảm giác an toàn, tin tưởng mà cháu dành cho mẹ. Trong các giai đoạn phát triển tâm lý, đặc biệt với trẻ ở lứa tuổi này, yếu tố ổn định về mặt tinh thần và tình cảm đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nhân cách, tư duy và cảm xúc của cháu U. Việc giao cháu U cho chị T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục giúp cháu U duy trì sự ổn định về mặt tâm lý, tình cảm, tránh những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra nếu bị buộc sống trong một môi trường mà cháu U không mong muốn. Sau khi cân nhắc quyền lợi về mọi mặt của cháu U, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu U cho chị T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[7] Mặc dù đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T và chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Anh T và chị T1 thuận tình ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 205, khoản 5 Điều 211, Điều 212, khoản 1 Điều 246, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Trung T và chị Phan Thị Thanh T1.

2. Giao cháu Hồ Phan Thành N1, sinh ngày 18/02/2008 cho anh Hồ Trung T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Hồ Phan Nhã U, sinh ngày 04/9/2017 cho chị Phan Thị Thanh T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Anh Hồ Trung T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003806 ngày 08/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Anh Hồ Trung T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- TAND tỉnh Bình Định;
- UBND phường B (để biết);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Võ Duy Minh**